

Số: 38 /2021/QĐ-UBND

Nghệ An, ngày 12 tháng 11 năm 2021

**QUYẾT ĐỊNH**

**Sửa đổi, bổ sung Phụ lục I ban hành kèm theo Quyết định số 22/2020/QĐ-UBND ngày 24 tháng 8 năm 2020 của Ủy ban nhân dân tỉnh về việc ban hành bảng giá tính thuế tài nguyên trên địa bàn tỉnh Nghệ An**

**ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH NGHỆ AN**

*Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015; Luật Sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22 tháng 11 năm 2019;*

*Căn cứ Luật Thuế tài nguyên ngày 25 tháng 11 năm 2009;*

*Căn cứ Luật Khoáng sản ngày 17 tháng 11 năm 2010;*

*Căn cứ Nghị định số 50/2010/NĐ-CP ngày 14 tháng 5 năm 2010 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Thuế tài nguyên;*

*Căn cứ Nghị định số 12/2015/NĐ-CP ngày 12 tháng 02 năm 2015 của Chính phủ hướng dẫn thi hành Luật Sửa đổi, bổ sung một số điều của các Luật Thuế và sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định về thuế;*

*Căn cứ Thông tư số 152/2015/TT-BTC ngày 02 tháng 10 năm 2015 của Bộ trưởng Bộ Tài chính hướng dẫn về thuế tài nguyên;*

*Căn cứ Thông tư số 174/2016/TT-BTC ngày 28/10/2016 sửa đổi, bổ sung điểm a, khoản 4, Điều 6, Thông tư số 152/2015/TT-BTC ngày 02 tháng 10 năm 2015 của của Bộ trưởng Bộ Tài chính hướng dẫn về thuế tài nguyên;*

*Căn cứ Thông tư số 44/2017/TT-BTC ngày 12 tháng 5 năm 2017 của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định về khung giá tính thuế tài nguyên đối với nhóm, loại tài nguyên có tính chất lý, hoá giống nhau;*

*Căn cứ Thông tư số 05/2020/TT-BTC ngày 20 tháng 01 năm 2020 của Bộ trưởng Bộ Tài chính sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 44/2017/TT-BTC ngày 12 tháng 5 năm 2017 của Bộ Tài chính quy định về khung giá tính thuế tài nguyên đối với nhóm, loại tài nguyên có tính chất lý, hóa giống nhau;*

*Theo đề nghị của Giám đốc Sở Tài chính tại Tờ trình số 4439/TTr-STC ngày 09 tháng 11 năm 2021.*

**QUYẾT ĐỊNH:**

**Điều 1. Sửa đổi, bổ sung Phụ lục I ban hành kèm theo Quyết định số 22/2020/QĐ- UBND ngày 24 tháng 8 năm 2020 của Ủy ban nhân dân tỉnh về việc ban hành bảng giá tính thuế tài nguyên trên địa bàn tỉnh Nghệ An:**



*Handwritten mark or signature.*

Sửa đổi giá tính thuế tài nguyên đối với khoáng sản thiếc tại Phụ lục I ban hành kèm theo Quyết định số 22/2020/QĐ-UBND như sau:

Mã nhóm, loại tài nguyên					Tên nhóm, loại tài nguyên	Đơn vị tính	Giá tính thuế tài nguyên (đồng)	Ghi chú
Cấp 1	Cấp 2	Cấp 3	Cấp 4	Cấp 5				
		I603			Thiếc			
			I60301		Quặng thiếc gốc			
				I6030101	Quặng thiếc gốc có hàm lượng $0,2\% < \text{SnO}_2 \leq 0,4\%$	tấn	1.280.000	
				I6030102	Quặng thiếc gốc có hàm lượng $0,4\% < \text{SnO}_2 \leq 0,6\%$	tấn	1.790.000	
				I6030103	Quặng thiếc gốc có hàm lượng $0,6\% < \text{SnO}_2 \leq 0,8\%$	tấn	2.300.000	
				I6030104	Quặng thiếc gốc có hàm lượng $0,8\% < \text{SnO}_2 \leq 1\%$	tấn	2.810.000	
				I6030105	Quặng thiếc gốc có hàm lượng $\text{SnO}_2 > 1\%$	tấn	3.372.000	
			I60302		Tinh quặng thiếc có hàm lượng $\text{SnO}_2 \geq 70\%$ (sa khoáng, quặng gốc)	tấn	204.000.000	
			I60303		Thiếc kim loại	tấn	320.000.000	

## Điều 2. Hiệu lực thi hành

Quyết định này có hiệu lực thi hành từ ngày 25 tháng 11 năm 2021.

02

### Điều 3. Trách nhiệm thi hành

Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh; Giám đốc các Sở: Tài chính, Tài nguyên và Môi trường, Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, Tư pháp; Cục trưởng Cục Thuế tỉnh; Giám đốc Kho bạc Nhà nước Nghệ An; Chủ tịch Ủy ban nhân dân các huyện, thành phố, thị xã; các tổ chức, doanh nghiệp, cá nhân có hoạt động khai thác tài nguyên thuộc đối tượng nộp thuế tài nguyên và các đơn vị có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

*02*

#### Nơi nhận:

- Như Điều 3;
- Cục Kiểm tra văn bản - Bộ Tư pháp;
- Thường trực Tỉnh ủy;
- Thường trực HĐND tỉnh;
- Đoàn ĐBQH tỉnh;
- Chủ tịch, các PCT UBND tỉnh;
- Các PVP UBND tỉnh;
- Trung tâm Tin học và Công báo tỉnh;
- Lưu: VT, KT (TP, Hòa).

*8* *Huang*

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN  
KT. CHỦ TỊCH  
PHÓ CHỦ TỊCH



Lê Hồng Vinh

